

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2024-2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2024-2025 của đơn vị, với nội dung cụ thể như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Thực hiện công khai các nội dung công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm các nội dung về cơ sở giáo dục, chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính, kế hoạch hoạt động của giáo dục phổ thông để các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

II. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời gian theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.

- Thực hiện minh bạch các thông tin có liên quan của đơn vị để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của đơn vị.

- Góp phần phát huy tính dân chủ, nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của đơn vị.

B. NỘI DUNG CÔNG KHAI

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

1. **Tên cơ sở giáo dục:** Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực.

2. **Địa chỉ trụ sở chính:** Số 07, Mạc Cửu, khu phố 4, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, điện thoại: 02976.292299, địa chỉ thư điện tử: c12nguyentrungtrucpq@gmail.com, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục: <https://c12nguyentrungtrucpq.edu.vn> (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

3. **Loại hình của cơ sở giáo dục:** là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Phòng GD-ĐT thành phố Phú Quốc quản lý trực tiếp về chuyên môn, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc quản lý trực tiếp về quản lý nhà nước.

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường:**

4.1. **Sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường:**

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý HS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

4.2. **Mục tiêu của nhà trường:**

Mục tiêu chính là giáo dục phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục trung học phổ thông hoặc chương trình, giáo dục nghề nghiệp.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường:

Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực mới thành lập và đi hoạt động từ năm học 2021 – 2022, được thành lập theo Quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 22/4/2021 và Quyết định 5336/QĐ-UBND, ngày 24/10/2023 Về việc tổ chức lại Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tổng diện tích của trường là 6.177m². Trường đặt vị trí ngay trung tâm phường Dương Đông, địa chỉ: số 07, đường Mạc Cửu, khu phố 4, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Nhà trường địa bàn quản lý rộng (gồm khu phố 3,4,6,9,11 và một phần khu phố 8) dân số đông nên trường gặp không ít khó khăn nhưng nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trưởng thành. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2022 – 2027 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và Lãnh đạo nhà trường cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh nhà trường. Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của nhà trường có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục và Kế hoạch của các địa phương triển khai Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động của trường luôn nỗ lực đạt nhiều thành tích đáng khích lệ, được tặng nhiều danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các cấp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: *Họ và tên: Nguyễn Anh Khoa, chức vụ: Hiệu trưởng, địa chỉ nơi làm việc: số 07, đường Mạc Cửu, khu phố 4, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; số điện thoại: 0917672982, địa chỉ thư điện tử: khoana21703@gmail.com.*

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 22/4/2021 của UBND thành phố Phú Quốc về việc thành lập Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 5767/QĐ-UBND, ngày 10/11/2023 của UBND thành phố Phú Quốc về việc kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực, nhiệm kỳ 2022 – 2027 (Gồm: 01 Chủ tịch, 01 thư ký và 13 thành viên).

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Anh Khoa theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND thành phố Phú Quốc.

- Phó Hiệu trưởng là đồng chí Trần Thị Mỹ Hương theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND thành phố Phú Quốc.

- Phó Hiệu trưởng là đồng chí Ngô Thanh Bình theo Quyết định điều động, bổ nhiệm viên chức, Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND thành phố Phú Quốc.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Thực hiện Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: Tổ chức và quản lý nhà trường; Tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường; Nhiệm vụ và quyền của giáo viên nhân viên; Nhiệm vụ và quyền của học sinh; Tài chính và tài sản của nhà trường; Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực đặt vị trí ngay trung tâm phường Dương Đông. Địa bàn quản lý và tuyển sinh của nhà trường: tuyển sinh học sinh khu phố 3,4,6,9,11, một phần khu phố 8 và một số học sinh địa bàn khác đến học. Quản lý và chỉ đạo mọi hoạt động giáo dục trong nhà trường theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và THCS do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của các bậc học. Bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ. Xây dựng, phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhiệm vụ phát triển giáo dục của địa phương. Tổ chức các phong trào thi đua trong đơn vị. Xây dựng các tổ chức, đoàn thể vững mạnh. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực gồm có: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tư vấn; Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Tổ chức Công đoàn; Tổ chức Đoàn thanh niên; Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; 07 tổ chuyên môn; 01 Tổ văn phòng; có 41 lớp với 1.626 học sinh (cấp Tiểu học 15 lớp với 548 học sinh, cấp THCS 26 lớp với 1.078 học sinh).

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội

đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng cán bộ quản lý; vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 03.

- Số lượng giáo viên (kể cả giáo viên là TPT đội); Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 61.

- Số lượng nhân viên; Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 01.

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: $03/03=100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: $61/61=100,0\%$

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng: $03/03= 100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng: $61/61= 100,0\%$

- Số lượng, tỷ lệ nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: $01/01= 100,0\%$

IV. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích đất của trường là: 6.177 m^2 , tổng diện tích xây dựng là: 6.177 m^2 ; tổng diện tích sân chơi: 3.762 m^2 ; Bình quân diện tích sân chơi m^2/HS là $2,3 \text{ m}^2/\text{hs}$ (chưa đáp ứng với yêu cầu tối thiểu theo quy định - $6 \text{ m}^2/\text{hs}$).

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

- Khối phòng hành chính quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng Văn phòng; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể; có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên; khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên.

- Khối phòng học tập: 30 phòng học; 01 phòng học bộ môn Âm nhạc; 01 phòng học bộ môn Mỹ thuật; 01 phòng học Công nghệ; 01 phòng học KHTN; 01 phòng học bộ môn Tin học; 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ ; 01 nhà tập đa chức năng (theo Thông tư 13/2020 của BGDĐT, ngày 26/5/2020 Quy định tiêu chuẩn CSVC thì thiếu 05 phòng cụ thể: 01 phòng Công nghệ, 01 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học xã hội).

- Khối phòng hỗ trợ học tập: 01 phòng Thư viện; 01 phòng phòng thiết bị giáo dục (kho hành chính); 01 phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; 01 phòng truyền thông, Đoàn, Đội.

- Khối phụ trợ: 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; 03 phòng các tổ chuyên môn – phòng nghỉ giáo viên (theo Thông tư 13/2020 của BGDĐT, ngày 26/5/2020 Quy định tiêu chuẩn CSVC thì thiếu 04 phòng); 01 phòng Y tế trường học; 01 phòng nhà kho; có khu để xe học sinh; khu vệ sinh học sinh; khu sân chơi, thể dục thể thao.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Về thiết bị chuyên dùng:

a) Số thiết bị dạy học hiện có: Khối 1: 02 bộ (đáp ứng); khối 2: 04 bộ (đáp ứng); khối 3,4,5: 0 bộ (chưa đáp ứng); khối 6: 02 bộ (đáp ứng); khối 7,8,9: 0 bộ (chưa đáp ứng).

b) Về thiết bị chuyên dùng bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Máy tính 48; Tivi 37 ; tủ đựng thiết bị 06; máy in, scan 05; máy in màu 01; máy photo 02; máy laptop quản lý 03; hồ bơi 01; loa di động 02.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tủ kệ thư viện: 21 cái (đáp ứng).

- Sách giáo khoa: 2471 quyển (chưa đáp ứng), Sách thư viện (nghệ thuật và tham khảo): 1017 quyển (chưa đáp ứng), Truyện tranh: 1004 quyển (chưa đáp ứng).

V. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường:

+ Nhà trường tiếp tục thực hiện duy trì công tác tự đánh giá đảm bảo đúng quy trình, chú trọng việc cải tiến chất lượng trong và sau quá trình đánh giá.

+ Nhà trường tiếp tục tham mưu các cấp lãnh đạo để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị như: các phòng bộ môn (01 phòng Công nghệ, 01 phòng KHTN, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Khoa học xã hội); các phòng phụ trợ; các đầu sách (nguồn tư liệu) của Thư viện;..... tiến tới thực hiện đánh giá ngoài theo quy định.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường có xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá, ... Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học,... chưa được xây dựng và bổ sung đầy đủ theo quy định.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian: Chưa đạt.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Chưa đạt.

VI. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường: Kế hoạch số 266/KH-TH&THCS, ngày 29/4/2024 kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2024-2025, trong đó thể hiện rõ đối tượng: Tuyển sinh trẻ vào lớp 1 (sinh năm 2018 trở về trước) *thường trú hoặc tạm trú ở địa bàn Khu phố 11 (Tổ 1-9). Trong quá trình nhận học sinh giữa trường Tiểu học Dương Đông 4 và trường TH – THCS Nguyễn Trung Trực nếu hai bên có quá tải trao đổi chia sẻ số lượng học sinh cho phù hợp đối với Khu phố 8 (Tổ 8-10, 12-15, 18, 19).* Tuyển sinh học sinh (sinh năm 2013 trở về trước) hoàn thành chương trình lớp 5 vào lớp 6 *thường trú hoặc tạm trú ở khu phố 3, khu phố 4, khu phố 6, khu phố 9;* chỉ tiêu: 100,0%; phương thức tuyển sinh: *hình thức xét tuyển*, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: Nhà trường tiến hành phân công thực hiện công tác tuyển sinh từ ngày 01/6/2024 đến ngày 30/6/2024 và các thông tin liên quan: Thông báo Tuyển sinh lớp 1, 6 năm học 2024- 2025.

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường: Kế hoạch số 548/KH-TH&THCS, ngày 30/8/2024 kế hoạch giáo dục nhà trường cấp THCS năm học 2024-2025; Kế hoạch số 550/KH-TH&THCS, ngày 30/8/2024 kế hoạch giáo dục nhà trường cấp Tiểu học năm học 2024-2025.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Quy chế phối hợp số 687/QCPH-TH&THCS, ngày 24/9/2024 Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng năm học 2024-2025.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường: Nhà trường xây dựng các Kế hoạch hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường.

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh: HS 6 tuổi ra học lớp 1: 103/103 đạt 100%; HS hoàn thành CTTH vào lớp 6: 168/168 đạt 100%.

Tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối:

- Khối lớp 1: Có 03 lớp; với tổng số học sinh 106; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $106/3 = 35,3$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 2: Có 05 lớp; với tổng số học sinh 174; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $174/5 = 34,8$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 3: Có 03 lớp; với tổng số học sinh 123; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $123/3 = 41$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 4: Có 02 lớp; với tổng số học sinh 88; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $88/2 = 44$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 5: Có 02 lớp; với tổng số học sinh 85; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $85/2 = 42,5$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 6: Có 07 lớp; với tổng số học sinh 280; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $280/7 = 40$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 7: Có 07 lớp; với tổng số học sinh 335; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $335/7 = 47,9$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 8: Có 06 lớp; với tổng số học sinh 250; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $250/6 = 41,7$ học sinh/lớp.

- Khối lớp 9: Có 07 lớp; với tổng số học sinh 305; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: $305/7 = 43,6$ học sinh/lớp.

Tổng số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 576 HS; số lượng học sinh nam/học sinh nữ: 1746/861 HS; học sinh là người dân tộc thiểu số: 40 HS; học sinh khuyết tật: 00 HS; số lượng học sinh chuyển trường: 61 HS và tiếp nhận học sinh học tại trường: 39 HS.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

* Cấp Tiểu học:

- Chỉ tiêu chất lượng giáo dục năng lực và phẩm chất:

	Năng lực	Phẩm chất
Tốt	380/576 (66,0%) thấp hơn chỉ tiêu 9,0%	383/576 (66,5%) thấp hơn chỉ tiêu 13,5%
Đạt	196/576 (34,0%)	193/576 (33,5%)
Cần cố gắng	0	0

+ Đánh giá: Năng lực: 576/576 đạt 100%.

+ Phẩm chất: 576/576 đạt 100%.

- Chỉ tiêu chất lượng giáo dục HTCT lớp học, HTCT tiểu học:

	Khối 1 (đạt 97% trở lên)	Khối 2 (đạt 98% trở lên)	Khối 3 (đạt 98% trở lên)	Khối 4 (đạt 98% trở lên)	Khối 5 (đạt 100%)
HTXS	53/106 (50,0% vượt 20%)	88/174 (50,6% vượt 20,6%)	70/123 (56,9% vượt 36,9%)	24/88 (27,3% vượt 7,3%)	
HHT	10/106 (9,4% thấp)	27/174 (15,5% thấp)		5/88 (5,7% (thấp hơn)	18/85 (22,4%)

	hơn 10,6%)	hơn 4,5%)		24,3%)	(thấp hơn 7,6%)
HT	41/106 (38,7%)	58/174 (33,3%)	53/123 (43,1%)	59/88 (67,0%)	67/85 (77,6%)
Cần cố gắng (CHT)	2/106 (1,9% thấp hơn 1,1%)	1/174 (0,6% thấp hơn 0,4%)	0	0	0

+ Đánh giá môn học: Học sinh được đánh giá hoàn thành các môn học trở lên 573/576; tỷ lệ 99,5 %; Học sinh được đánh giá chưa hoàn thành một số môn học 3/576; tỷ lệ 0,5 %.

- Số lượng học sinh được lên lớp: 573/576; tỷ lệ 99,5%, số học sinh không được lên lớp: 3/576; tỷ lệ 0,5%.

* Cấp THCS:

- **Kết quả xếp loại học tập và rèn luyện của khối 6, 7, 8 như sau:** Tổng số học sinh: 865/423 nữ, dân tộc: 35/20 nữ.

+ Học tập: Loại Tốt: 127- tỷ lệ 14,68% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 10%); Khá: 345 - tỷ lệ 39,88% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 35%); Đạt: 365 - tỷ lệ 42,2%; Chưa đạt: 28 - tỷ lệ 3,24%; Học tập từ đạt trở lên: 837 - tỷ lệ 96,76% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 95%).

+ Rèn luyện: Loại Tốt: 803 - tỷ lệ 92,83%; Khá: 62 - tỷ lệ 7,17 %; Đạt: 00 - tỷ lệ 0,00%; Chưa đạt: 00 - tỉ lệ 0%. Rèn luyện loại Khá - Tốt: 100% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra Tốt - Khá 98%).

- **Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của khối 9 như sau:** Tổng số học sinh: 305/165 nữ, dân tộc: 8/6 nữ.

+ Học lực: Loại Giỏi: 47 - tỷ lệ 15,41% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 10%); Khá: 146 - tỷ lệ 47,87% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 35%); Trung bình: 111 - tỷ lệ 36,39%; Yếu: 1 - tỷ lệ 0,33%; Kém: 00 - tỷ lệ 00%. TB trở lên: 304 - 99,67% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra 95%).

+ Hạnh kiểm: Loại Tốt: 274 - tỷ lệ 89,84%; Khá: 30 - tỷ lệ 9,84 %; Trung bình: 01 - tỷ lệ 0,33%; Yếu: 00 - tỉ lệ 00%. Hạnh kiểm Khá - Tốt: 304- tỉ lệ 99,67% (Vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra Khá - Tốt 98%).

- Số lượng học sinh được lên lớp: 1.155/1.170; tỷ lệ 98,72%, số học sinh không được lên lớp: 15/1.170; tỷ lệ 1,28%.

c) Số lượng học sinh lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình: 85/85 tỷ lệ 100%, học sinh lớp 9 được cấp bằng tốt nghiệp: 305/305 tỷ lệ 100%; Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 268/305, tỷ lệ 87,87%.

VIII. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

Cơ sở giáo dục thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục, bao gồm:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính đến tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; *Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;*

c) Việc bố trí nội dung công khai được quy định tại điểm a, b¹ khoản 1, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cổng thông tin điện tử do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

d) Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới: Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

đ) Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

2.1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Đối với giáo dục phổ thông phải thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của học sinh (nếu có) trước ngày thứ Bảy của tuần trước.

¹ - điểm a, khoản 1 Điều 14. Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo tính đến tháng 6 hằng năm;

- điểm b, khoản 1 Điều 14. Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục phải thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2024-2025 của trường Tiểu học và THCS Nguyễn Trung Trực. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 660/KH-TH&THCS, ngày 19/9/2024 kế hoạch thực hiện Quy chế công khai năm học 2024 – 2025. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh nhà trường nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có gì khó khăn, vướng mắc liên hệ Lãnh đạo nhà trường để kịp thời giải đáp./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tp Phú Quốc;
- Ban chỉ đạo;
- Ban Thanh tra nhân dân;
- Toàn thể CB,GV,NV,NLĐ;
- Niêm yết công khai;
- Website của trường;
- Lưu: VT, HT, hồ sơ.

HIỆU TRƯỞNG



Trưởng
Tiểu học
và
Trung học cơ sở
huyện Trưng Trắc

Nguyễn Anh Khoa